TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **193**/2026/HS-ST
Ngày: 14/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Tạ Thị Thà**
Bà **Bùi Thị Bích Vân**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Kim Văn Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức A, sinh năm 2006; Căn cước công dân số 031206018590 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; Nơi đăng ký thường trú: Số E T, xã K, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Khánh Đ (sinh năm 1981) và con bà: Trần Thị B (Sinh năm 1985); Gia đình có 02 con, bị cáo là con thứ hai; D chỉ bản số 68, lập ngày 08/01/2026 tại Phân trại tạm giam H – Công an Thành phố H; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

*** Bị hại**:

1. Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ngõ A T, phường L, Thành phố Hà Nội (Xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị **Quách Thị N**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số D đường N, phường Đ, Thành phố Hà Nội (Xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Nguyễn Đức A là thợ thi công thạch cao tại công trình xây dựng tại địa chỉ số C, khu A, Tập thể Binh đoàn A, phường L, Thành phố Hà Nội. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/01/2026, Đức A cùng làm việc tại công trình cùng với các đồng nghiệp là anh Lò Văn H *(Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ngõ A T, phường L, Thành phố Hà Nội)* và chị Quách Thị N *(Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số D đường N, phường Đ, Thành phố Hà Nội).* Quá trình làm việc, anh H để 01 túi xách màu trắng tại giàn giáo ở khu vực tầng 3 của công trình bên trong có: 01 chiếc điện thoại và 01 ví tiền của anh H, 01 chiếc điện thoại của chị N để nhờ trong túi của anh H.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, khi làm trần thạch cao ở tầng 3 của công trình, Đức A nhìn thấy chiếc túi màu trắng của anh H treo ở giàn giáo không có người trông giữ nên Đức A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đức A tiến đến lấy chiếc túi xách và giấu vào bên trong áo khoác rồi đi xuống tầng 1 của công trình. Tại đây, Đức A mượn chiếc xe máy mang BKS: 89A – 068.72 của anh Lê Đông P *(Sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ứ, Thành phố Hà Nội)* cũng là thợ thạch cao làm cùng Đức A để đi ra ngoài. Đức A đi xe máy mang theo chiếc túi xách trộm cắp được đến nhà số E, khu A, Tập thể Binh đoàn A, phường L, Thành phố Hà Nội là công trình khác mà Đức A nhận làm thạch cao. Đức A đi lên tầng 4 của công trình và mở chiếc túi xách vừa trộm được ra kiểm tra thì thấy bên trong có: 01 chiếc điện thoại Samsung A32 màu đen, 01 chiếc điện thoại Oppo A3 màu tím, 01 chiếc ví bên trong có 2.189.000 đồng (Hai triệu, một trăm tám mười chín nghìn đồng). Đức A lấy hết tiền bên trong ví rồi cho 02 chiếc điện thoại cùng ví vào lại túi xách và cất giấu ở tầng 4 của công trình tại số E khu A, Tập thể Binh đoàn A, phường L, Thành phố Hà Nội. Sau đó, Đức A đi mua cơm và về lại công trình xây dựng số 34, khu A, Tập thể Binh đoàn A, phường L, Thành phố Hà Nội để tiếp tục làm việc. Khi anh Lò Văn H và chị Quách Thị N làm việc xong quay về khu vực tầng 3 của công trình thì phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã đến Công an phường L, Thành phố Hà Nội để trình báo sự việc.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày 04/01/2026, Đức A đã đến Công an phường L, Thành phố Hà Nội để đầu thú và khai nhận hành vi Trộm cắp tài sản như đã nêu ở trên. Tại Cơ quan Điều tra, Nguyễn Đức A đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an các tài sản trộm cắp bao gồm:

- 01 (một) chiếc túi xách màu trắng hình chữ nhật kích thước 18x25 (cm);

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A32 màu đen, số IMEI 1: 356835254363947, số IMEI 2: 358934994363941;

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3 màu tím, số IMEI 1: 864307078359035, số IMEI 2: 864307078359027 tình trạng đã vỡ màn hình;

- 01 (một) chiếc ví màu nâu kích thước 9x12 (cm);

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen; Số khung: RLHJK1408RZ313093; Số máy: JK14E-0421142;

- Số tiền 2.189.000 đồng (Hai triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Ngày 07/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với tài sản trộm cắp thu giữ của Nguyễn Đức A.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường L kết luận:

"- 01 (một) chiếc túi xách màu trắng hình chữ nhật kích thước 18x25 cm (đã qua sử dụng) trị giá 50.000 đồng.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A32 màu đen, số IMEI 1: 356835254363947, số IMEI 2: 35893499436394 (đã qua sử dụng) trị giá 1.500.000 đồng.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A3 màu tím, số IMEI 1: 864307078359035, số IMEI 2: 864307078359027 tình trạng đã vỡ màn hình (đã qua sử dụng) trị giá 1.500.000 đồng.

- 01 (một) chiếc ví màu nâu kích thước 9x12 cm (đã qua sử dụng) trị giá 20.000 đồng."

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Đức A đã trộm cắp là 5.259.000 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Công an xác định các tài sản trên thuộc sở hữu của anh Lò Văn H và chị Quách Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho anh H và chị N các tài sản thu hồi được.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 89AE – 068.72 thu giữ được của Nguyễn Đức A: Qua tra cứu thông tin dữ liệu đăng ký xe xác định được chủ sở hữu chiếc xe mang tên chị Đặng Thị Khánh L (Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên). Quá trình điều tra xác định được chị L cho chồng là anh Lê Đông P mượn xe máy để làm phương tiện đi lại hàng ngày. Khi cho Nguyễn Đức A mượn xe máy, anh P hoàn toàn không biết được việc Đức A trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Công an đã trao trả lại chiếc xe máy nêu trên cho chủ sở hữu tài sản là chị Đặng Thị Khánh L.

Về bồi thường dân sự: Anh Lò Văn H, chị Quách Thị N và chị Đặng Thị Khánh L đều đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu về dân sự.

*** Tại Bản cáo trạng**: Số 09B/CT-VKSKV3 ngày 12 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội truy tố Nguyễn Đức Anh về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo Nguyễn Đức A thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt Nguyễn Đức A mức hình phạt từ 6 tháng tù đến 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các bị hại tại phiên tòa: Bị hại là anh Lò Văn H và chị Quách Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, các bị hại đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 04/01/2026, tại khu vực tầng 3 công trình

xây dựng tại địa chỉ số C, khu A, Tập thể Binh đoàn A, phường L, Thành phố Hà Nội, Nguyễn Đức A đã trộm cắp của anh Lò Văn H và chị Quách Thị N các tài sản bao gồm: 01 chiếc túi xách, 01 ví da và 02 điện thoại cùng số tiền 2.189.000 đồng (Hai triệu, một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Đức A trộm cắp tài 5.259.000 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn đồng). Các tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trao trả cho bị hại.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo không những xâm phạm đến khách thể là quyền được tôn trọng, bảo vệ về sở hữu của chủ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương.

Bị cáo thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản với hành vi khách quan là hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể, bị cáo đã lợi dụng sở hở của bị hại là anh Lò Văn H và chị Quách Thị N khi chiếc túi xách và tài sản của các bị hại được để trên giàn giáo không có người trông coi để tiếp cận, lấy chiếc túi xách và giấu vào trong áo khoác rồi rời khỏi công trình. Sau đó, bị cáo mang tài sản đến công trình khác, mở túi kiểm tra, lấy số tiền bên trong và cất giấu các tài sản còn lại nhằm tránh bị phát hiện. Hành vi của bị cáo đã làm dịch chuyển các tài sản ra khỏi sự quản lý hợp pháp của bị hại và đặt dưới sự chiếm hữu của bị cáo. Hành vi này thể hiện rõ thủ đoạn lén lút chiếm đoạt tài sản. Tội phạm được xác định là đã hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo chiếm đoạt được tài sản. Khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, bị cáo có khả năng tự điều khiển hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội và mong muốn hậu quả xảy ra. Khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được định giá 5.259.000 đồng là đạt mức tối thiểu do pháp luật quy định đủ để xử lý trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức A đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức A thành khẩn khai báo, tai sản đã trả lại cho các bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu

và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức A không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đức A là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân chấp hành pháp luật, đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Đức A không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đều đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức A bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 89AE – 068.72 thu giữ được của Nguyễn Đức A: Qua tra cứu thông tin dữ liệu đăng ký xe xác định được chủ sở hữu chiếc xe mang tên chị Đặng Thị Khánh L (Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên). Quá trình điều tra xác định được chị L cho chồng là anh Lê Đông P mượn xe máy để làm phương tiện đi lại hàng ngày. Khi cho Nguyễn Đức A mượn xe máy, anh P hoàn toàn không biết được việc Đức A trộm cắp tài sản. Cơ quan Công an đã trao trả lại chiếc xe máy nêu trên cho chủ sở hữu tài sản là chị Đặng Thị Khánh L và chị L không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ các Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đức A** phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2025.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức A 04 (Bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/01/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND, VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT – Công an TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2 - Công an TP Hà Nội;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lài